

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 144

### LUẬN VỀ CĂN (Phần 3)

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại là Học, mấy loại là Vô học, mấy loại là Phi học phi vô học?

Đáp: Hai loại là Học, một loại là Vô học, mười loại là Phi học phi vô học, chín loại cần phải phân biệt.

Hai loại là Học, đó là Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn. Một loại là Vô học, đó là Cụ tri căn. Mười loại là Phi học phi vô học, đó là bảy Sắc căn và Mạng-Khổ- Ưu căn. Chín loại cần phải phân biệt, đó là Ý-Lạc-Hỷ- Xả và năm căn như Tín... Chín loại này đều cần phải làm thành ba phần mà trả lời, cho nên gọi là cần phải phân biệt:

1. Đưa ra phần thuộc về Học.
2. Đưa ra phần thuộc về Vô học.
3. Đưa ra phần thuộc về Phi học phi vô học.

Luận giả Phân Biệt nói: “Chín loại này cần phải đưa ra phân biệt để ghi nhớ, cho nên gọi là cần phải phân biệt, đó là Ý căn hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học.

Thế nào là Học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý thuộc về Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng từ Khổ pháp trí nhãn, cho đến Định Kim cang dụ.

Thế nào là Vô học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với Tận trí-Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học.

Thế nào là Phi học phi vô học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý hữu lậu. Điều này lại là thế nào? Đó là có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là thiện- nhiễm ô và vô phú vô ký.

Thiện lại có ba loại, đó là gia hạnh đắc, ly nhiễm đắc và sinh đắc.

Gia hạnh đắc lại có ba loại, đó là do Văn mà thành, do Tư mà thành, do

Tu mà thành. Do Văn-Tư mà thành, đó là tương ứng với quán Bất tịnh, Trì tức niệm và Niệm trú... Do Tu mà thành, đó là tương ứng với Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, Thế tục trí Hiện quán biên, Tĩnh lực- Vô lượng - Vô sắc - Giải thoát, Thắng xứ-Biến xứ... Ly nhiễm đắc, đó là đạt được do lúc lìa nhiễm, tức là một.

Có người nói: Tác ý có thể sinh ra các pháp mạnh hơn đối với pháp khác, vì vậy chỉ nói đến loại ấy.

Đã phân biệt về tự tánh của các căn thuộc Học..., tương xen tạp- không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Các căn thuộc Học thì căn ấy là của người Học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có căn thuộc Học mà căn ấy không phải là của người Học, đó là người Học không thành tựu căn thuộc Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Tùy tín hành không thành tựu các căn của Tùy pháp hành, Tùy pháp hành không thành tựu các căn của Tùy tín hành; Tín thắng giải không thành tựu các căn của Kiến chí, Kiến chí không thành tựu các căn của Tín thắng giải; Học thuộc chủng tánh Thối pháp không thành tựu các căn của Học thuộc năm chủng tánh, cho đến Học thuộc chủng tánh Bất động pháp không thành tựu các căn của Học thuộc năm chủng tánh; Học thuộc chủng tánh Phật thừa không thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh hai Thừa khác, cho đến Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa không thành tựu các căn của Học thuộc hai Thừa khác; trú trong phần vị Khổ pháp trí nhãn không thành tựu các căn của phần vị Học phía trên, cho đến trú trong phần vị Đạo loại trí nhãn không thành tựu các căn của phần vị Học phía trên; trú trong phần vị của ba quả Học chưa tiến lên phía trên, không thành tựu các căn của phần vị Học trên-dưới; trú trong phần vị tiến lên phía trên như thích hợp nói rộng ra.

2. Có căn là của người Học mà căn ấy không phải là Học, đó là người Học thành tựu căn Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là những người Học sinh ở cõi Dục, đã đạt được Nhãn căn không mất, và sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu Nhãn căn. Đã đạt được, đó là phần vị Bát-la-xa-khư... Không mất, đó là không hư hoại mất đi. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Dục-Sắc thì lúc ấy thành tựu Thân căn, nữ thành tựu Nữ căn, nam thành tựu Nam căn. Sinh ở cõi Biến Tịnh và cõi dưới, thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Dục thành tựu Khổ căn. Sinh ở cõi Cực Quang Tịnh và cõi dưới, thành tựu Hỷ căn. Chưa lìa nhiễm cõi Dục, thành tựu Ưu căn. Ý-Mạng-Xả căn tất cả đều thành tựu. Sinh ở cõi Dục chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô

sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc. Nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc. Nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc.

3. Có căn thuộc Học mà căn ấy cũng là của người Học, đó là người Học thành tựu căn thuộc Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Tùy tín hành thành tựu các căn của Tùy tín hành, Tùy pháp hành thành tựu các căn của Tùy pháp hành; Tín thắng giải thành tựu các căn của Tín thắng giải, Kiến chí thành tựu các căn của Kiến chí; Học thuộc chủng tánh Thối pháp thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Thối pháp, cho đến Học thuộc chủng tánh Bất động pháp thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Bất động pháp; Học thuộc chủng tánh Phật thừa thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Phật thừa, cho đến Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa; trú trong phần vị Khổ pháp trí nhãn thành tựu các căn của phần vị Khổ pháp trí nhãn, cho đến trú trong phần vị Đạo loại trí nhãn thành tựu tất cả các căn của Kiến đạo; trú trong phần vị của ba quả Học chưa tiến lên phía trên, đều thành tựu các căn thuộc về quả đã trú vào; trú trong phần vị tiến lên phía trên đều thành tựu các căn thuộc về quả đã đạt được và đạo thuộc về quả thù thắng.

4. Có căn không phải là thuộc Học mà căn ấy cũng không phải là của người Học, đó là người Học không thành tựu căn thuộc Vô học và căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là những người Học nhất định không thành tựu các căn Vô học, và có căn thuộc Phi học phi vô học. Người Học không thành tựu, đó là những người Học sinh ở cõi Dục không đạt được Nhân căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhân căn. Không đạt được, đó là chưa đến phần vị Bát-la-xa-khư... Giả sử đạt được mà mất, đó là đã hư hoại mất đi. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước đây không đạt được, hoặc là đã đạt được dần dần mạng chung đều rời bỏ. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh không thành tựu Hỷ căn. Đã lìa nhiễm cõi Dục không thành tựu Ưu căn. Sinh ở cõi Dục

chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc. Sinh ở cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Các căn Vô học, căn ấy là của người Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có căn Vô học mà căn ấy không phải là của người Vô học, đó là người Vô học không thành tựu căn Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Thời giải thoát không thành tựu các căn của Bất thời giải thoát, Bất thời giải thoát không thành tựu các căn của Thời giải thoát; Thối pháp không thành tựu các căn của năm chủng loại, cho đến Bất động pháp không thành tựu các căn của năm chủng loại; Phật không thành tựu các căn của Độc giác-Thanh văn, Độc giác không thành tựu các căn của Phật-Thanh văn, Thanh văn không thành tựu các căn của Phật-Độc giác.

2. Có căn là của người Vô học mà căn ấy không phải là Vô học, đó là người Vô học thành tựu căn Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là người Vô học sinh ở cõi Dục, đã đạt được Nhân căn không mất, và sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu Nhân căn. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc ấy thành tựu Thân căn, nữ thành tựu Nữ căn, nam thành tựu Nam căn. Sinh ở cõi Biến Tịnh và cõi dưới, thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Dục thành tựu Khổ căn. Sinh ở cõi Cực Quang Tịnh và cõi dưới, thành tựu Hỷ căn. Ý- Mạng- Xả căn tất cả đều thành tựu. Sinh ở cõi Dục, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc.

3. Có căn thuộc Vô học mà căn ấy cũng là của người Vô học, đó là người Vô học thành tựu căn Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Thời giải thoát thành tựu các căn của Thời giải thoát, Bất thời giải thoát thành tựu các căn của Bất thời giải thoát; Thối pháp thành tựu các căn của Thối pháp, cho đến Bất động pháp thành tựu các căn của Bất động pháp; Phật thành tựu các căn của Phật, Độc giác thành tựu các căn của Độc giác, Thanh văn thành tựu các căn của Thanh văn.

4. Có căn không phải là Vô học mà căn ấy cũng không phải là của người Vô học, đó là người Vô học không thành tựu căn thuộc Học và căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là người Vô

học nhất định không thành tựu các căn thuộc Học, và có căn thuộc Phi học phi vô học. Người Vô học không thành tựu, đó là người Vô học sinh ở cõi Dục, không đạt được Nhãn căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhãn căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc - Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước kia không đạt được, hoặc là đã đạt được mà mất. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh, lúc ấy không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh, lúc ấy không thành tựu Hỷ căn, thì nhất định không thành tựu Ưu căn. Sinh ở cõi Sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Các căn thuộc Phi học phi vô học, căn ấy là của người Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn của người Phi học phi vô học, căn ấy thuộc Phi học phi vô học. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì thành tựu pháp Học thì gọi là người Học, thành tựu pháp Vô học thì gọi là người Vô học. Nếu không thành tựu pháp Học-Vô học, thì gọi là người Phi học phi vô học, tức là các dị sinh, bởi vì căn đã thành tựu ấy chỉ là Phi học phi vô học.

Có căn thuộc Phi học phi vô học mà căn ấy không phải là của người Phi học phi vô học, đó là người Phi học phi vô học không thành tựu căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là các dị sinh sinh ở cõi Dục chưa đạt được Nhãn căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhãn căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc - Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước kia không đạt được, hoặc là đã đạt được mà mất. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh, không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh, không thành tựu Hỷ căn. Là nhiễm của cõi Dục, không thành tựu Ưu căn. Người đoạn mất căn thiện, không thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Dục không đoạn mất căn thiện, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc; nếu đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của

cõi Vô sắc. Sinh ở cõi Sắc, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục- Vô sắc; nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục- Sắc.

Đã phân biệt về các căn thuộc Học..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn thuộc Học...

Hỏi: Vì sao gọi là Học-Vô học-Phi học phi vô học?

Đáp: Dùng đạo không có tham vì đoạn bỏ tham mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có tham vì đoạn bỏ tham mà không học-đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có sân vì đoạn bỏ sân mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có sân vì đoạn bỏ sân mà không học- đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có si vì đoạn bỏ si mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có si vì đoạn bỏ si mà không học- đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà học, nhưng không phải là quan hệ của ái, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà học, đây là ngăn chặn về đạo thuộc Vô học; nhưng không phải là quan hệ của ái, đây là ngăn chặn về đạo thuộc thế tục. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà không học-đã học, nhưng không phải là quan hệ của ái, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà không học-đã học, đây là ngăn chặn về đạo thuộc Học; nhưng không phải là quan hệ của ái, đây là ngăn chặn về đạo thuộc thế tục. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu đạo vì đoạn bỏ hai mong cầu-thỏa mãn một mong cầu mà học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học. Vì đoạn bỏ hai mong cầu, đó là mong cầu về Dục-mong cầu về Hữu; thỏa mãn một mong cầu, đó là mong cầu về Phạm hạnh. Nếu đạo vì đoạn bỏ hai mong cầu-thỏa mãn một mong cầu mà không học-đã học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu đạo vì đoạn bỏ phiền não, tu hiện quán về Đế mà

học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; nếu đạo vì đoạn bỏ phiền não, tu hiện quán về Đế mà không học-đã học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu trong sở y có phiền não nhất định ràng buộc theo, có vô lậu nhất định đuổi theo, thì đó là Học; nếu trong sở y không có phiền não nhất định ràng buộc theo, có vô lậu nhất định đuổi theo, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu trong sở y có ái ràng buộc theo, có vô lậu đạt được, thì đó là Học; nếu trong sở y không có ái ràng buộc theo, có vô lậu đạt được, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu pháp do Kiến đạo-Tu đạo thâm nhiếp, thì đó là Học; nếu pháp do đạo Vô học thâm nhiếp, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học. Kiến địa-Tu địa và địa Vô học, nói cũng như vậy.

Lại nữa, nếu pháp do Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn thâm nhiếp, thì đó là Học; nếu pháp do Cụ tri căn thâm nhiếp, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của năm loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học. Năm loại Bồ-đặc-già-la, đó là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến chí và Thân chứng. Các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của hai loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Hai loại Bồ-đặc-già-la, đó là Tuệ giải thoát và Câu giải thoát. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của bảy loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học. Bảy loại Bồ-đặc-già-la, đó là bốn Hương- ba Quả trước. Các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của một loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Một loại Bồ-đặc-già-la, đó là A-la-hán. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của mười tám loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học; các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của chín loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại là thiện, mấy loại là bất thiện, mấy loại là vô ký?

Đáp: Tám loại là thiện, tám loại là vô ký, sáu loại cần phải phân biệt.



Tám loại là thiện, đó là năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu. Tám loại là vô ký, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn. Sáu loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn và năm Thọ. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý thiện. Ở đây lại có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu có ba loại, đó là gia hạnh đắc, ly nhiễm đắc và sinh đắc. Vô lậu có hai loại, đó là Học và Vô học.

Thế nào là bất thiện? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý bất thiện. Ở đây lại có hai loại, đó là do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn, tức là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc ba mươi bốn tùy miên của cõi Dục.

Thế nào là vô ký? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý vô ký. Ở đây có hai loại, đó là hữu phú vô ký và vô phú vô ký. Hữu phú vô ký, đó là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và tất cả phiền não câu sinh của cõi Sắc-Vô sắc. Vô phú vô ký, đó là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc Oai nghi lộ, Công xảo xứ, Dị thực sinh và Thông quả.

Như Ý căn, Xả căn-Hỷ căn-Lạc căn tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Khổ căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là Sinh đắc thiện.

Thế nào là bất thiện? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý bất thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là do tu mà đoạn.

Thế nào là vô ký? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý vô ký. Điều này lại là thế nào? Đó là Dị thực sinh.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Ưu căn tương ứng với tác ý thiện. Như nói: “Mình vào lúc nào sẽ được an trú đầy đủ ở nơi này? Nếu đã an trú đầy đủ ở phần vị của Thánh giả, thì lòng dạ lo buồn suy nghĩ mong mỏi đối với phần vị giải thoát phía trên.”

Thế nào là bất thiện? Đó là Ưu căn tương ứng với tác ý bất thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn.

Hỏi: Vì sao không có Ưu căn vô ký?

Đáp: Vô ký có hai loại, đó là hữu phú và vô phú. Ưu căn lại không phải là hữu phú vô ký, bởi vì không tương ứng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hành tướng khác

nhau, hai Kiến ấy do hành tướng vui vẻ (hoan) mà chuyển, Ưu căn do hành tướng lo buồn(thích) mà chuyển, pháp trái ngược lẫn nhau cho nên không tương ứng. Ưu căn cũng không phải là vô phú vô ký, bởi vì không phải là do Oai nghi lộ-Công xảo xứ-Dị thực sinh thân nhiếp.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là do Oai nghi lộ thân nhiếp?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Oai nghi lộ không có phân biệt mà chuyển. Nếu Oai nghi lộ có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thể hiện oai nghi như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Mã Thắng, thì lúc phân biệt đã thuận theo trú trong oai nghi như vậy. Nhưng Oai nghi lộ không có sự phân biệt này, cho nên Oai nghi lộ không có Ưu căn.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là Công xảo xứ?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Công xảo xứ không có phân biệt mà chuyển. Nếu Công xảo xứ có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thể hiện công xảo như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Thiên tử Diệu Nghiệp, thì lúc phân biệt đã thuận theo thành tựu công xảo như vậy. Nhưng Công xảo xứ không có sự phân biệt này, cho nên Công xảo xứ không có Ưu căn.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là Dị thực sinh?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Dị thực sinh không có phân biệt mà chuyển. Nếu Dị thực sinh có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thọ nhận dị thực như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Chuyển luân Thánh vương, thì lúc phân biệt đã thuận theo hiện tại thọ nhận dị thực như vậy. Nhưng Dị thực sinh không có sự phân biệt này, cho nên Dị thực sinh không có Ưu căn.

Có người nói: Ưu căn do gia hạnh hiện tại mà chuyển, Dị thực sinh do nghiệp trước kia đã dẫn dắt, vì vậy Ưu căn không phải là Dị thực sinh.

Có người nói: Ưu căn tùy theo ý muốn mà chuyển, bởi vì từ trong tất cả mọi việc đã mất đi, có lúc khởi lên Ưu căn, có lúc không khởi lên; Dị thực sinh thì không tùy theo ý muốn thọ nhận, do nghiệp mà chuyển, cho nên Ưu căn không phải là Dị thực sinh.

Có người nói: Ưu căn nếu như là dị thực, thì thuận theo nghiệp nặng chỉ thọ nhận phần ít của quả, nghĩa là có nhân gây ra nghiệp vô gián rồi liền sinh ra lo buồn, thì phải gọi là thọ nhận dị thực của nghiệp ấy, lẽ nào không phải là phần ít của quả hay sao?

Có người nói: Ưu căn rời bỏ vào lúc lìa nhiễm cõi Dục, Dị thực sinh thì lìa nhiễm của ba cõi mà hãy còn chuyển theo, cho nên Ưu căn

không phải là Di thực sinh. Vì vậy Ưu căn chỉ là thiện và bất thiện.

Đã phân biệt về các căn thuộc thiện..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn thuộc thiện...

Hỏi: Vì sao gọi là thiện-bất thiện-vô ký?

Đáp: Nếu pháp do phương tiện khéo léo thâm nhiếp, có thể dẫn đến quả tốt đẹp, tự tánh an ổn, thì gọi là thiện. Do phương tiện khéo léo thâm nhiếp, là hiển bày về Đạo đế. Có thể dẫn đến quả tốt đẹp, là hiển bày về phần ít của Khổ-Tập đế. Tự tánh an ổn, là hiển bày về Diệt đế. Nếu pháp không thuộc về phương tiện khéo léo, dẫn đến quả không tốt đẹp, tánh không an ổn, thì gọi là bất thiện. Đây là biểu hiện rõ ràng về phần ít của Khổ-Tập đế. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể đạt được quả tốt đẹp và quả thuộc Lạc thọ, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể nhận lấy quả không tốt đẹp và quả thuộc Khổ thọ, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể sinh ra mầm của quả tốt đẹp và mầm của giải thoát, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể sinh ra mầm của quả không tốt đẹp, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể cảm đến nẻo đáng yêu, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể cảm đến nẻo không đáng yêu, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp thuộc về phẩm hoàn diệt-phẩm thanh tịnh, là tánh nhẹ nhàng thì gọi là thiện. Nếu pháp thuộc về phẩm lưu chuyển-phẩm tạp nhiễm, là tánh nặng nề thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Hiếp Tôn giả nói: “Bởi vì bốn duyên cho nên gọi là thiện:

1. Tự tánh.
2. Tương ứng.
3. Đẳng khởi.
4. Thắng nghĩa.”

Thiện thuộc tự tánh, có người nói là tâm quý. Có người nói là ba căn thiện. Thiện thuộc tương ứng, là tâm-tâm sở pháp tương ứng với thiện. Thiện thuộc đẳng khởi, là do thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ, tâm không tương ứng với hành. Thiện thuộc thắng nghĩa, là Niết-bàn an ổn cho nên gọi là thiện.

Luận giả Phân Biệt đưa ra cách nói như vậy: “Thiện thuộc tự tánh, đó là trí. Thiện thuộc tương ứng, đó là thức tương ứng với thiện.

Thiện thuộc đẳng khởi, đó là do thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ.  
Thiện thuộc thắng nghĩa, đó là Niết-bàn.”

Bởi vì bốn duyên cho nên gọi là bất thiện:

1. Tự tánh.
2. Tương ứng.
3. Đẳng khởi.
4. Thắng nghĩa.

Bất thiện thuộc tự tánh, có người nói là không có tâm-không có quý, bởi vì tâm bất thiện bao trùm mọi nơi, luôn luôn bất thiện. Có người nói là ba căn bất thiện, bởi vì có đủ năm nghĩa. Bất thiện thuộc tương ứng, đó là tâm-tâm sở pháp tương ứng với bất thiện. Bất thiện thuộc đẳng khởi, đó là do bất thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ, tâm không tương ứng với hành. Bất thiện thuộc thắng nghĩa, đó là sinh tử không an ổn, cho nên gọi là bất thiện.

Luận giả Phân Biệt đưa ra cách nói như vậy: “Bất thiện thuộc tự tánh, đó là si. Bất thiện thuộc tương ứng, đó là thức tương ứng với bất thiện. Bất thiện thuộc đẳng khởi, đó là do bất thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ. Bất thiện thuộc thắng nghĩa, đó là sinh tử.”

Hiếp Tôn giả nói: “Nếu pháp là tự tánh tác ý như lý, tương ứng tác ý như lý, đẳng khởi tác ý như lý, quả Đẳng lưu- quả Ly hệ của tác ý như lý, đó là thiện. Nếu pháp là tự tánh tác ý không như lý, tương ứng tác ý không như lý, đẳng khởi tác ý không như lý, quả Đẳng lưu của tác ý không như lý, đó là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì đó là vô ký.”

Như tác ý như lý và tác ý không như lý, tâm quý và không có tâm-không có quý, ba căn thiện và ba căn bất thiện, năm căn như Tín... và năm Cái, cũng như vậy.

Luận Tập Dị Môn nói: “Vì sao gọi là thiện?”

Đáp: Có quả đáng yêu, quả đáng vui, quả vừa ý, quả hài lòng, quả đáng yêu thích, thì gọi là thiện. Đây là nói về quả Đẳng lưu. Lại nữa, có dị thực đáng yêu, dị thực đáng vui, dị thực vừa ý, dị thực hài lòng, dị thực đáng yêu thích, thì gọi là thiện. Đây là nói về quả Dị thực. Ngược lại với loại này thì gọi là bất thiện.” Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký. Nghĩa còn lại như phẩm thứ nhất trong chương Kiết Uẩn nói rộng.

Hai mươi hai căn này, mấy loại có dị thực? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển

bày nghĩa lý của mình. Đó là phái Thí Dụ nói rằng: “Rời xa Tư không có nhân Dị thực, rời xa Thọ không có quả Dị thực.” Vì ngăn chặn cách nói ấy, hiển bày về nhân Dị thực và quả Dị thực đều bao gồm năm Uẩn. Âm Quang Bộ nói rằng: “Các nhân Dị thực, lúc dị thực chưa sinh khởi thì nhân ấy có Thể, dị thực sinh khởi rồi thì nhân ấy liền mất, như mầm non chưa sinh ra thì hạt giống hã còn có Thể, mầm non đã sinh ra rồi thì Thể của hạt giống sẽ không có.” Cần phải ngăn chặn ý ấy để hiển bày về nhân luôn luôn có. Lại có ngoại đạo chấp là nghiệp thiện ác không có quả Dị thực. Cũng ngăn chặn ý đó để hiển bày về nghiệp thiện ác có quả Dị thực, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại có dị thực, mấy loại không có dị thực?

Đáp: Một loại có dị thực, mười một loại không có dị thực, mười loại cần phải phân biệt.

Một loại có dị thực, đó là Ưu căn. Mười một loại không có dị thực, đó là bảy Sắc căn-Mạng căn và ba căn Vô lậu. Mười loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-bốn Thọ và năm căn như Tín... Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn, hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là Ý căn hữu lậu thiện-bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Đó là Ý căn vô lậu vô ký. Như Ý căn, Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn cũng như vậy.

Khổ căn, hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là Khổ căn thiện-bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Đó là Khổ căn vô ký.

Năm căn như Tín..., hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là năm căn như Tín... thuộc hữu lậu. Thế nào là không có dị thực? Đó là năm căn như Tín... thuộc vô lậu.

Đã phân biệt về các căn có dị thực..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn có dị thực...

Hỏi: Vì sao gọi là có dị thực..., là cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực, hay là cùng lúc với dị thực khác cho nên gọi là có dị thực? Nếu cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực, thì tại sao nhân và quả không hợp lại? Lại trái với kệ tụng đã nói, như nói: Làm ác không lập tức chín muồi. Nếu cùng lúc với dị thực khác cho nên gọi là có dị thực, thì đạo Vô lậu phải gọi là có dị thực, bởi vì cùng lúc với dị thực khác?

Đáp: Nên nói là cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực.

Hỏi: Tại sao nhân và quả không hợp lại, còn trái với kệ tụng đã nói?

Đáp: Có hai loại cùng lúc:

1. Cùng lúc có.
2. Cùng lúc hợp lại.

Cùng lúc có, như có nhân-có quả, có sở duyên-có dị thực... Cùng lúc hợp lại, như có Tâm-có Tứ, có Hỷ-có Tác ý... Trong này dựa vào cùng lúc có mà soạn luận. Như cùng lúc có-cùng lúc hợp lại, cùng lúc có-cùng lúc không tách rời nhau, cũng như vậy.

Có người nói: Có ba loại cùng lúc:

1. Cùng lúc xa.
2. Cùng lúc gần.
3. Cùng lúc xa gần.

Hai loại trước như trước đã nói, cùng lúc xa gần thì như hữu lậu-có tùy miên-có duyên-có sự... Trong này chỉ dựa vào cùng lúc xa mà soạn luận.

Hỏi: Vì sao gọi là dị thực?

Đáp: Khác loại mà chín muồi, cho nên gọi là dị thực. Chín muồi có hai loại:

1. Cùng loại.
2. Khác loại.

Cùng loại chín muồi, đó là quả Đẳng lưu. Khác loại chín muồi, đó là quả Dị thực. Phần còn lại như chương Kiết Uẩn nói rộng.

Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến mà đoạn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Như phái Thí Dụ nói: “Không có đạo thế tục có thể đoạn phiền não.” Đại đức ấy nói: “Dị sinh không có ai đoạn dứt tùy miên, nhưng có thể điều phục ràng buộc; cũng không phải là đạo thế tục có nghĩa vĩnh viễn đoạn dứt, bởi vì trong kinh nói: Thánh Tuệ thấy rõ rồi mới có thể đoạn dứt.” Vì ngăn chặn cách nói ấy, để hiển bày về đạo thế tục cũng có thể vĩnh viễn đoạn dứt, các loại dị sinh cũng đoạn dứt tùy miên, bởi vì trong kinh nói: “Ốt-đạt-lạc-ca-át-la-ma-tử, đoạn bỏ cõi Dục, đoạn bỏ cõi Sắc, cho đến đoạn bỏ Vô sở hữu xứ, sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.” Lại nói: “Có ngoại đạo Tiên có thể lìa nhiễm cõi dục...” Như vậy đều đã nói Thánh Tuệ thấy rõ rồi mới có thể đoạn dứt, là hiển bày có thể đến cuối cùng đoạn bỏ nhiễm của cõi Hữu

Đảnh.

Hoặc có người nói rằng: Các đạo thế tục tuy có thể vĩnh viễn đoạn dứt, nhưng là dị sinh chứ không phải là Thánh giả, bởi vì không phải là bỏ đạo thù thắng mà dùng đạo yếu kém. Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về các Thánh giả cũng dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của tám địa.

Có người đưa ra cách nói này: Lập tức đoạn bỏ chứ không phải là từ từ, bởi vì lúc Định Kim cang dụ hiện rõ ở trước mắt, tất cả phiền não lập tức đoạn bỏ. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày nhất định phải từ từ đoạn bỏ, bởi vì bốn quả Sa-môn từ từ mà đạt được.

Có người chấp: Hiện quán chỉ có lập tức chứ không phải là từ từ. Vì ngăn chặn cách nói ấy để hiển bày là từ từ chứ không phải là lập tức, và để biểu hiện rõ ràng có hai bộ kiết-hai bộ đối trị, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến mà đoạn, mấy loại do tu mà đoạn, mấy loại không đoạn?

Đáp: Chín loại do tu mà đoạn, ba loại không đoạn, mười loại cần phải phân biệt.

Chín loại do tu mà đoạn, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn-Khổ căn. Ba loại không đoạn, đó là ba căn Vô lậu. Mười loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-bốn Thọ và năm căn như Tín...

Ý căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với tám mươi tám tùy miên do kiến mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ý căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với mười tùy miên do tu mà đoạn, và Ý căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Đó là Ý căn vô lậu. Như Ý căn, Xả căn cũng như vậy.

Lạc căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với hai mươi tám tùy miên do kiến mà đoạn, tức là Lạc căn do kiến mà đoạn thuộc Tĩnh lự thứ ba. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Lạc căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với năm tùy miên do tu mà đoạn, và Lạc căn hữu lậu không nhiễm ô. Năm tùy miên, đó là Tham-Vô minh của cõi Dục, Tham-Mạn-Vô minh của cõi Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Lạc căn vô lậu.

Hỷ căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với năm mươi hai tùy miên do kiến mà đoạn. Năm mươi hai tùy miên, đó là hai mươi bốn loại của cõi Dục, trừ ra tám loại thuộc Sân-Nghi, hai mươi tám loại của cõi Sắc. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với sáu tùy miên do tu mà đoạn, và Hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô. Sáu tùy miên, đó là Tham-Mạn-Vô minh của cõi Dục-Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Hỷ căn vô lậu.

Ưu căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với mười sáu tùy miên do kiến mà đoạn. Mười sáu tùy miên, đó là Tà kiến-Sân-Nghi-Vô minh của cõi Dục đều có bốn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ưu căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với hai tùy miên do tu mà đoạn, và Ưu căn không nhiễm ô. Hai tùy miên, đó là Sân-Vô minh của cõi Dục.

Năm căn như Tín..., hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc hữu lậu. Thế nào là không đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc vô lậu.

Đã phân biệt về các căn do kiến mà đoạn..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn do kiến mà đoạn...

Hỏi: Thế nào gọi là do kiến mà đoạn- do tu mà đoạn?

Đáp: Như kiến không tách rời tu, tu không tách rời kiến, trong Kiến đạo tu Như thật có thể đạt được, trong Tu đạo kiến Như thật có thể đạt được, Tuệ gọi là kiến, không phóng dật gọi là tu.

Hỏi: Trong này nói đến pháp nào gọi là Như thật?

Đáp: Ý trong này nói có nhiều nhanh nhạy sắc bén thì gọi là Như thật, nghĩa là trong Kiến đạo thì Tuệ nhiều mà không phóng dật thì ít, trong Tu đạo thì không phóng dật nhiều mà Tuệ thì ít.

Hoặc là ý trong này nói bình đẳng thì gọi là Như thật, nghĩa là trong Kiến đạo tùy theo có bao nhiêu Tuệ thì có bấy nhiêu không phóng dật, trong Tu đạo tùy theo có bao nhiêu không phóng dật thì có bấy nhiêu Tuệ.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Quán xét bốn Thánh



đế, đoạn trừ các phiền não.”

Hỏi: Làm thế nào để phân biệt pháp này là do kiến mà đoạn, pháp này là do tu mà đoạn?

Đáp: Do kiến mà đoạn, do kiến mà trừ, do kiến mà thay đổi và loại bỏ, thì gọi là do kiến mà đoạn.

Có người nói: Do kiến mà đoạn cũng nên nói là do tu mà đoạn, bởi vì trong Kiến đạo tu Như thật có thể đạt được.

Nói như vậy thì do kiến mà đoạn, do kiến mà trừ, do kiến mà thay đổi và loại bỏ, gọi là do kiến mà đoạn. Như đạo đã đạt được, nếu tập hay là tu, hay là tu tập nhiều, đoạn từng phạm vi, đoạn có hạn lượng, từ từ làm cho ít lại, đến cuối cùng đoạn dứt, gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Do tu mà đoạn cũng nên nói là do kiến mà đoạn, bởi vì trong Tu đạo kiến Như thật có thể đạt được.

Nói như vậy thì như đạo đã đạt được, nếu tập hay là tu, hay là tu tập nhiều, đoạn từng phạm vi, đoạn có hạn lượng, từ từ làm cho ít lại, đến cuối cùng đoạn dứt, gọi là do tu mà đoạn.

Hỏi: Điều này nói có nghĩa gì?

Đáp: Đây là nói về Kiến đạo, là đạo nhanh nhạy sắc bén tạm thời hiện rõ ở trước mắt, chín phẩm phiền não trong một lúc mà đoạn; Tu đạo là đạo không nhanh nhạy sắc bén, thường xuyên luyện tập hiện rõ trước mắt, chín phẩm phiền não trải qua chín thời gian mà đoạn. Như lưỡi dao sắc-cùn cùng cắt một vật, lưỡi dao sắc vừa cắt liền dứt, lưỡi dao cùn phải cắt nhiều lần mới dứt.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo tăng mạnh về Kiến để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp dùng đạo tăng mạnh về Tu để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo của hai tướng để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn. Hai tướng, đó là tướng của Kiến và tướng của Tuệ. Nếu pháp dùng đạo của ba tướng để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Ba tướng, đó là tướng của Trí-Kiến và Tuệ.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo của bốn tướng để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn. Bốn tướng, đó là tướng của Nhân-Minh-Giác và Tuệ. Nếu pháp dùng đạo của năm tướng để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Năm tướng, đó là tướng của Nhân-Trí-Minh-Giác và Tuệ.

Có người nói: Nếu pháp do Nhân mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp do Trí mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn.

Phần còn lại nói rộng ra như phẩm thứ nhất trong chương Kiết Uẩn.